TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX-ST ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ I, phường A, thị xã A, Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Lâm Văn S tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A vào ngày 31/7/2018. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Chị và anh S đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2023 đến nay. Sau khi chị nộp đơn ly hôn, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải, tại phiên hòa giải tuy anh S trình bày không đồng ý ly hôn nhưng anh S vẫn không thay đổi, vẫn uống rượu và dùng lời nói xúc phạm đến chị, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lâm Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 1 con chung là cháu Lâm Thiên V, sinh ngày 31/7/2019. Hiện nay cháu V đang sống cùng với chị, chị làm nghề làm tóc tại nhà, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000đ nên có điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con. Cháu V hiện còn nhỏ nên cần thiết có mẹ chăm sóc, do vậy chị L yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lâm Văn S trình bày: Anh và chị Lê Thị Thùy L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh cũng có mâu thuẫn, cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Anh và chị L đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2023 đến nay. Từ sau khi chị L nộp đơn ly hôn, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải, anh cũng đã cố gắng thay đổi nhưng chị L vẫn không cho anh có cơ hội và vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh vẫn mong muốn vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống để nuôi dạy con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Lâm Thiên V, sinh ngày 31/7/2019. Nếu Tòa án vẫn quyết định cho ly hôn thì anh S đồng ý để chị L trực tiếp nuôi cháu Vũ

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân chấp nhận cho chị Lê Thị Thùy L ly hôn với anh Lâm Văn S. Về việc nuôi con, giao cho chị L trực tiếp nuôi con là cháu Lâm Thiên V, sinh ngày 31/7/2019. Về án phí, nguyên đơn chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Lâm Văn S; địa chỉ: Tổ I, phường A, thị xã A, Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy L và anh Lâm Văn S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L và anh S phát sinh mâu thuẫn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh S. Anh S mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cả hai bên đều đã không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống cùng nhau. Nhiều lần Tòa án hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên các bên cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn, hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thùy L với anh Lâm Văn S.

[3] Về việc nuôi con: Chị L và anh S có 01 con chung là Lâm Thiên V, sinh ngày 31/7/2019. Chị L và anh S thống nhất giao cho anh chị L trực tiếp nuôi con. Chị L có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Lâm Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị Thùy L ly hôn với anh Lâm Văn S.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Lê Thị Thùy L trực tiếp nuôi con là cháu Lâm Thiên V, sinh ngày 31/7/2019, khi cháu V chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006569 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lâm Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/5/2023.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, số 76/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo